

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN ĐK ĐÔNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số 894 /CV-BVĐKĐA

Hà Nội, ngày 07 tháng 07 năm 2023

Vv: Yêu cầu báo giá vật tư y tế,
hóa chất xét nghiệm

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm
tại Việt Nam

Căn cứ Thông tư 14/2023/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ Y tế về việc quy định trình tự, thủ tục xây dựng giá gói thầu mua sắm hàng hóa và cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập.

Bệnh viện đa khoa Đông Anh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu thuộc dự toán mua sắm vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm năm 2023 lần 2 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa Đông Anh
Địa chỉ: Tổ 1 thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, TP Hà Nội
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phạm Thị Phương Thúy, số điện thoại: 0977563522, email: phamphuongthuy145@gmail.com.
- Cách thức tiếp nhận báo giá: Nhận trực tiếp tại Bệnh viện đa khoa Đông Anh, Tổ 1 Thị trấn Đông Anh, Hà Nội.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 07 tháng 7 năm 2023 đến trước 16h ngày 20 tháng 7 năm 2023

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn của hiệu lực báo giá: Tối thiểu 120 ngày kể từ ngày phát hành báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm: (Phụ lục đính kèm)
- Địa điểm cung cấp: Bệnh viện đa khoa Đông Anh, tổ 1 thị trấn Đông Anh, Hà Nội.
- Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 3 ngày từ khi có đơn hàng .

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, VT-TBYT



GIÁM ĐỐC

Chu Đình Năng

Tên công ty:
Địa chỉ:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa Đông Anh

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày tháng năm

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.
 - (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.
 - (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.
 - (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
 - (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
 - (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
 - (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
 - (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
 - (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.
 - (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.
 - (12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.
- Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thông nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia.

PHỤ LỤC I: DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ

(Kèm công văn số: **894** /CV-BVĐKĐA ngày **07** tháng **7** năm **2023** của bệnh viện đa khoa Đồng Anh)

STT	Danh mục	Tính năng, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Qui cách	Đơn vị tính	Số lượng
	Phần 1: Bông, dung dịch sát khuẩn rửa vết thương					
1	Bông thấm nước	Sản xuất từ bông. Không có hóa chất tẩy trắng.	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	1kg/túi	kg	528
2	Dung dịch rửa tay	Dung dịch sát khuẩn tay thường quy, đạt tiêu chuẩn dùng trong y tế Thành phần: ORTHO-PHTHALADEHYDE 0,55%, pH 7.2- 7.8. Thời gian ngâm khử khuẩn cấp cao cho dụng cụ là 5 phút, tái sử dụng trong vòng 14 ngày. Thời gian bảo quản dung dịch trong can là 75 ngày tính từ khi mở nắp. Diệt được hầu hết các loại vi khuẩn, vi rút, Tric khuẩn lao (kể cả Mycobacterium bovis).	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Lọ 1000ml	Lọ	1.000
3	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ nội soi	Dạng viên khử khuẩn bề mặt, khử khuẩn dụng cụ và thiết bị y tế. Thành phần chính Sodium Dichloroisocyanurate		Can 3,78 lit	Can	200
4	Viên khử khuẩn	Paraffinum liquidum, chất hoạt động bề mặt không ion		Theo qui cách nhà sản xuất chai 400ml	Viên	19.800
5	Xịt bông bôi trơn dụng cụ	Thành phần: Didecylidimethylammonium chloride, Ethanol, Isopropanol		Chai 710ml	Chai	4
6	Dung dịch khử khuẩn và làm sạch bề mặt	Thành phần: protease , amylase , lipase .		Can 3.8L	Can	50
7	Dung dịch rửa dụng cụ y tế hoạt tính enzyme	Thành phần: Glycolic Acid 8%		Bộ (2 chai 750ml)	Bộ	15
8	Dung dịch tan gỉ	Thành phần: Triethanolamine 8%		Bộ (2 chai 750ml)	Bộ	2
9	Dung dịch tan gỉ					2
	Phần 2: Băng, gạc, vật liệu cầm máu, điều trị vết thương					
10	Bột bó bé	Bột liên gạc, gạc: 100% cotton. Kích thước ≥10cmx3,65m.	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Cuộn	1.440
11	Bột bó to	Bột liên gạc, gạc: 100% cotton. Kích thước ≥15cmx3,65m.	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Cuộn	360
12	Băng cuộn 10cm*2,5m	Chất liệu 100% cotton, dạng cuộn	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Cuộn	20.000
13	Dán mi	Chất liệu: băng phin trong suốt, KT: 10x12 cm	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	400
14	Băng dính lụa	Băng vải lụa đan dệt taffeta trắng. 100 % sợi cellulose acetate . Lực dính 1.8 - 5.5 N/cm. Kích thước ≥ 5cmx5m.	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Cuộn	6.000
15	Băng dính	Kích thước tối thiểu 1,9*6 cm	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	28.000
16	Gạc phẫu thuật không dệt 7,5 x 7,5 x 6 lớp vô trùng	7,5 x 7,5cm 6 lớp vô trùng	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	cái	2.000
17	Gạc phẫu thuật 30x40x6 lớp vô trùng cân quang	100% cotton, 30x40cmx6 lớp, vô trùng cân quang	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	15.000
18	Gạc meche phẫu thuật 3,5 x 75cm x6 lớp, vô trùng cân quang	3,5 x 75cm x6 lớp, vô trùng cân quang	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	cái	1.000

19	Gạc mét	100% cotton có độ thấm hút rất cao.		Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Mét	5.000
20	Gạc cầu sản khoa	Sản xuất từ gạc và bông hút nước 100% cotton. Hình cầu, Bông hút được bọc kín bởi một lớp gạc y tế, đường kính $\geq 45\text{mm}$ được khóa giữ bằng một dây. Vô trùng		Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	cái	1.000
	Phần 3: Bơm, kim tiêm, dây truyền, và vật tư y tế sử dụng trong chăm sóc người bệnh						
21	Bơm sử dụng bơm thức ăn cho người bệnh (bơm 50 ml đầu to)	Bơm tiêm 50ml cho ăn, chất liệu nhựa y tế, vô trùng. Đốc xi lanh nắp vừa dây cho ăn.		Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	cái	1.600
22	Bơm tiêm nhựa 10ml	Bơm tiêm nhựa 10ml, chất liệu nhựa y tế, vô trùng. Kim các cỡ, chất liệu kim thép không gỉ		Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	250.000
23	Bơm tiêm nhựa 1ml	Bơm tiêm nhựa 1ml, chất liệu nhựa y tế, vô trùng. Kim các cỡ, chất liệu kim thép không gỉ		Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	40.000
24	Bơm tiêm nhựa 20ml	Bơm tiêm nhựa 20ml, chất liệu nhựa y tế, vô trùng. Kim các cỡ, chất liệu kim thép không gỉ		Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	60.000
25	Bơm tiêm nhựa 3ml	Bơm tiêm nhựa 3ml, chất liệu nhựa y tế, vô trùng. Kim các cỡ, chất liệu kim thép không gỉ		Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	200
26	Bơm tiêm nhựa 50ml	Bơm tiêm 50ml, chất liệu nhựa y tế, vô trùng.		Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	2.800
27	Bơm tiêm nhựa 5ml	Bơm tiêm 5ml, chất liệu nhựa y tế, vô trùng. Kim các cỡ, chất liệu kim thép không gỉ		Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	300.000
28	Dây nối bơm tiêm điện 140cm	Dây nối bơm tiêm điện dài $\geq 140\text{ cm}$. Chất liệu PVC. Vô trùng, không DEHP		Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	cái	2.000
29	Dây truyền dịch	Chất liệu nhựa PVC. Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch. Chiều dài của dây $\geq 1500\text{mm}$. Kim các cỡ . Vô trùng		Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Bộ	102.000
30	Dây truyền máu	Dây dài $\geq 180\text{cm}$. Tốc độ dòng chảy: 20 giọt/mL. Chất liệu dây: PVC y tế, cỡ kim 18G		Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Bộ	2.000
31	Khóa 3 chạc không dây nối	Khóa 3 chạc không dây nối, vô trùng		Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	cái	3.000
32	Khóa 3 chạc ngã có dây nối	Khóa 3 ngã có dây nối. Dây nối dài $\geq 10\text{cm}$, vô trùng		Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	6.000
33	Kim cánh bướm các cỡ	Chất liệu làm thân kim bằng thép không gỉ . Dây truyền dài $\geq 300\text{mm}$. Vô trùng . Các cỡ		Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	62.000
34	Kim gây tê đám rối thần kinh	Kim gây tê đám rối thần kinh dài 5cm, đầu kim có mặt vát 30 độ, có công bơm thuốc, có công kết nối tương thích máy kích thích thần kinh cơ STIMUPLEX.		Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	500
35	Kim gây tê tùy sống	Băng vải lụa đan dệt taffeta trắng. 100 % sợi cellulose acetate . Lực dính 1.8 - 5.5 N/cm. Kích thước $\geq 5\text{cm} \times 5\text{m}$ "Thành phần cấu tạo chính gồm: Kim chọc dò 18G, Ống thông, Đầu kết nối, Ống thông, bơm tiêm kháng lực, màng lọc.		Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	4.000
36	Bộ gây tê ngoài màng cứng			Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	bộ	400
37	Kim lấy thuốc các cỡ	Chất liệu thép không gỉ . Vô trùng. Các cỡ		Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	200.000

38	Kim lều tĩnh mạch	- Chất liệu: FEP (Fluorinated-ethylene propylene) hoặc tương đương. Thời gian lưu tối đa 72h. Kim bằng thép không gỉ phủ silicon. - Có cánh, có cửa bơm thuốc - ≥2 đường cân quang ngầm - Vô trùng, Các số	- Chất liệu: FEP (Fluorinated-ethylene propylene) hoặc tương đương. Thời gian lưu tối đa 72h. Kim bằng thép không gỉ phủ silicon. - Có cánh, có cửa bơm thuốc - ≥2 đường cân quang ngầm - Vô trùng, Các số	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	38.000
39	Túi nước tiểu	Túi nước tiểu có quai treo Dung lượng: 2000ml Van xả thoát đáy chữ T, chống trào ngược .Tiệt trùng: EO.	Túi nước tiểu có quai treo Dung lượng: 2000ml Van xả thoát đáy chữ T, chống trào ngược .Tiệt trùng: EO.	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	túi	2.000
	Phần 4: Găng tay						
40	Găng tay khám không tiệt trùng	Sản xuất từ cao su thiên nhiên. Chiều dài tối thiểu 220mm. Có phủ bột chống dính. Các cỡ	Sản xuất từ cao su thiên nhiên. Chiều dài tối thiểu 220mm. Có phủ bột chống dính. Các cỡ	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Đôi	576.000
41	Găng tay dài sản khoa	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, được phủ bột chống dính	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, được phủ bột chống dính	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Đôi	600
42	Găng tiệt trùng	Sản xuất từ cao su thiên nhiên. Bề mặt trơn nhẵn, có độ bền cao. Có phủ bột chống dính. Độ dày ngón tay ≥ 0.14mm. Độ dày lòng bàn tay ≥ 0.12mm, độ dày cổ tay ≥ 0.10mm. Lực kéo đứt trước lão hóa ≥ 12.5 Mpa.Sau lão hóa ≥ 9,5 MPa. Vô trùng. Các cỡ.	Sản xuất từ cao su thiên nhiên. Bề mặt trơn nhẵn, có độ bền cao. Có phủ bột chống dính. Độ dày ngón tay ≥ 0.14mm. Độ dày lòng bàn tay ≥ 0.12mm, độ dày cổ tay ≥ 0.10mm. Lực kéo đứt trước lão hóa ≥ 12.5 Mpa.Sau lão hóa ≥ 9,5 MPa. Vô trùng. Các cỡ.	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Đôi	65.000
	Phần 5: Ống thông, ống dẫn lưu, ống nối, dây nối, chạc nối, catheter						
43	Bình dẫn lưu màng phổi	Kèm Bộ dây dẫn lưu màng phổi (Tiệt trùng). 'Bình thủy tinh trong suốt, dung tích 2.000ml; Có vạch chia đến 1.500ml . Chất liệu: thủy tinh trong, nhựa PP và PEHD nguyên chất. Tiệt trùng bằng khí E.O.	Kèm Bộ dây dẫn lưu màng phổi (Tiệt trùng). 'Bình thủy tinh trong suốt, dung tích 2.000ml; Có vạch chia đến 1.500ml . Chất liệu: thủy tinh trong, nhựa PP và PEHD nguyên chất. Tiệt trùng bằng khí E.O.	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	cái	4
44	Canuyl mayor các cỡ	Chất liệu nhựa cứng PE, không có độc tố, và không gây kích ứng. Có các cỡ . Vô trùng	Chất liệu nhựa cứng PE, không có độc tố, và không gây kích ứng. Có các cỡ . Vô trùng	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	300
45	Canuyl mở khí quản	Được làm nhựa PVC trong, không độc - có bóng thể thích lớn áp lực thấp, cong 95 độ, với đầu nối tiêu chuẩn 15mm có thể xoay được. Đầu valve có khóa. Các cỡ	Được làm nhựa PVC trong, không độc - có bóng thể thích lớn áp lực thấp, cong 95 độ, với đầu nối tiêu chuẩn 15mm có thể xoay được. Đầu valve có khóa. Các cỡ	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	12
46	Dây thở oxy 2 nhánh	Chất liệu nhựa. Dây dài ≥ 2 m, chia 2 nhánh, các cỡ	Chất liệu nhựa. Dây dài ≥ 2 m, chia 2 nhánh, các cỡ	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	12.000
47	Ống nội khí quản	Chất liệu: nhựa PVC, bóng lái, van có đầu bơm cho khóa luer, đầu nối Các cỡ, vô trùng	Chất liệu: nhựa PVC, bóng lái, van có đầu bơm cho khóa luer, đầu nối Các cỡ, vô trùng	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	2.000
48	Sonde dẫn lưu chữ T	Làm bằng cao su tự nhiên, mạ Silicon. Được sử dụng để thông túi mật. Các cỡ	Làm bằng cao su tự nhiên, mạ Silicon. Được sử dụng để thông túi mật. Các cỡ	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	cái	15
49	Sonde Foley 2 nhánh	Chất liệu: cao su phủ silicon. Chiều dài ≥ 280mm. Có lõi sắt tăng cứng. Các cỡ	Chất liệu: cao su phủ silicon. Chiều dài ≥ 280mm. Có lõi sắt tăng cứng. Các cỡ	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	500
50	Sonde hút nhót	Chất liệu nhựa PVC. Dài ≥ 500 mm. Chịu được áp lực cao của máy hút. Vô trùng. Các cỡ	Chất liệu nhựa PVC. Dài ≥ 500 mm. Chịu được áp lực cao của máy hút. Vô trùng. Các cỡ	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	10.000
51	Sonde JJ	Các cỡ, dài khoảng 26 cm, phủ lớp hydrophillic.	Các cỡ, dài khoảng 26 cm, phủ lớp hydrophillic.	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	cái	100
52	Sone dạ dày	Chất liệu nhựa PVC, chống vận xoắn. Có nắp đáy chống nhiễm vào đường ống. Các cỡ. Vô trùng	Chất liệu nhựa PVC, chống vận xoắn. Có nắp đáy chống nhiễm vào đường ống. Các cỡ. Vô trùng	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	cái	1.500
	Phần 6: Kim khâu, chỉ khâu, dao phẫu thuật						

53	Chỉ không tiêu số 3/0	Chỉ không tan tổng hợp số 3/0, dài ≥ 75 cm. Kim phù silicon. Kim tam giác 3/8C, dài ≥ 24 mm	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Sợi	2.400
54	Chỉ không tiêu số 4/0	Chỉ không tan tổng hợp số 4/0, dài khoảng 75 cm. Kim phù silicon, kim tam giác 3/8C, dài khoảng 16mm	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Sợi	1.200
55	Chỉ không tiêu số 6/0	Chỉ không tan tổng hợp số 6/0, dài khoảng 75 cm, Kim phù silicon, kim tam giác 3/8C, dài khoảng 12 mm	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Sợi	200
56	Chỉ không tiêu số 10/0	Chỉ không tan tổng hợp 10/0, dài khoảng 30cm. Hai kim chiều dài khoảng 6.2 mm, đường kính khoảng 0,15mm, độ cong 3/8.	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Sợi	60
57	Chỉ tiêu tổng hợp số 1/0	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 1/0, dài khoảng 90cm. Kim phù silicon, kim tròn 1/2 C, kim khoảng 40mm	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Sợi	2.400
58	Chỉ tiêu tổng hợp số 2/0	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 2/0, dài 75 cm. Kim phù silicon, kim tròn 1/2 C, kim khoảng 26mm	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Sợi	600
59	Chỉ tiêu tổng hợp số 3/0	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 3/0, dài khoảng 75 cm, kim phù silicon, kim tròn 1/2 C, kim khoảng 26 mm.	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Sợi	240
60	Chỉ tiêu tổng hợp số 4/0	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 4/0, dài khoảng 75 cm. Kim phù silicon, kim tròn 1/2 C, kim khoảng 22mm.	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Sợi	240
61	Chỉ tan tổng hợp số 5/0	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 4/0, dài khoảng 75 cm, kim phù silicon, kim tròn 1/2 C, kim khoảng 17mm.	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Sợi	36
62	Chỉ tan tổng hợp số 6/0	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 6/0, dài khoảng 75 cm. Kim phù silicon, kim tròn 1/2 C, kim 13mm.	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Sợi	48
63	Bàn cực trung tính cho dao mổ điện	Dùng cho dao mổ điện, diện tích dẫn điện khoảng 118 cm2	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	1.500
64	Tay dao mổ điện	Dùng cho dao mổ điện. Chiều dài 3m, kiểu giác cầm: giác dẹt 3 chân	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	4.000
65	Lưỡi dao mổ các cỡ	Dao sắc. Chất liệu thép các bon hoặc tương đương, tiết tròn, các số	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	10.000
66	Giấy in ảnh siêu âm	Kích thước 110mm x 20m. Dùng cho các dòng máy in hãng Sony.	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Cuộn	1.500
	Phần 7: Vật tư chuyên khoa mắt					
67	Thủy tinh thể nhân tạo 03 tiêu cự	- Chất liệu Hydrophobic Acrylic, kỵ nước, lọc tia UV, ánh sáng xanh - Phi cầu, càng chữ C kép. - Chiều dài : từ 10.5mm tới 11.5mm - Đường kính quang học: từ 6.0mm tới 6.5mm. - Chỉ số khúc xạ: ≥ 1.45 - Chỉ số Abbe: > 40 - Dải công suất: từ +10D đến +35D - Cung cấp kèm dụng cụ đặt nhân. - Công suất bỏ sung +1.5D tới 1.75D và từ +3D tới +3.5D	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	5



68	Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu loại 1	- Thủy tinh thể nhân tạo 1 mảnh, cangk chữ C. Chất liệu: Hydrophilic Acrylic Copolymer - Lọc ánh sáng xanh, lọc tia cực tím. - Đường kính ≤ 12.5 mm. Đường kính optic: ≤ 6mm. - Chỉ số khúc xạ: > 1.4 - Chỉ số ABBE: ≥ 50 - Dài công suất trung bình: OD tới +30D - Cung cấp kèm dụng cụ đặt nhân vết mổ > 2.2mm. - Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu, 4 cangk, chất liệu Hydrophobic acrylic - Lọc ánh sáng xanh và lọc tia UV - Chiều dài: từ 10.50 tới 11.50 mm - Đường kính optic: từ 5.75mm tới 6.0 mm - Chỉ số khúc xạ: > 1.5 - Chỉ số Abbe: > 40 - Thủy tinh thể được lắp sẵn trong cartridge - Công suất: từ 0D-9D bước nhảy 1D; 10D-30 D bước nhảy 0.5 D. - Thủy tinh thể nhân tạo 4 cangk, kéo dài tiêu cự - Chất liệu Hydrophobic Acrylic - Chiều dài : từ 10.50mm tới 11.50 mm - Đường kính optic: từ 5.75mm tới 6.0 mm - TTT lọc ánh sáng xanh và lọc tia UV. - Chỉ số khúc xạ: > 1.5. - Chỉ số Abbe: > 40. - TTT được lắp sẵn trong cartridge - Công suất: từ 10D - 30D bước nhảy 0.5D. - Thủy tinh thể nhân tạo 1 mảnh. Chất liệu: Hydrophilic Acrylic	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	30
69	Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu loại 2	- Lọc ánh sáng xanh, lọc tia cực tím. - Thiết kế phi cầu. Bờ vuông 360°. - Đường kính TTT: ≤ 12 mm. Đường kính optic: ≤ 6mm. - Chỉ số khúc xạ: > 1.42 - Chỉ số ABBE: ≥ 50 - Dài công suất trung bình: 10D-34D - Cung cấp kèm dụng cụ đặt nhân vết mổ > 2.2mm. - Hydroxypropyl methylcellulose $\geq 2.0\%$ - Độ nhớt: trung bình 4000-5000 mPas - Độ PH: 6.8-7.5 - Độ thẩm thấu: 270-400 mOSm/kg - Trọng lượng phân tử: 80.000 Daltons. - Dung tích: ≥ 2ml - Sodium Hyaluronate $\geq 1.4\%$ - Độ nhớt: trung bình 30.000 mPas - Độ PH: 6.8-7.4 - Trọng lượng phân tử: 1.1-2.0 triệu Daltons. - Độ thẩm thấu: 270-400mOSm/kg Dung tích: ≥ 1ml	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	160
70	Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu cự loại 3	- Lọc ánh sáng xanh, lọc tia cực tím. - Thiết kế phi cầu. Bờ vuông 360°. - Đường kính TTT: ≤ 12 mm. Đường kính optic: ≤ 6mm. - Chỉ số khúc xạ: > 1.42 - Chỉ số ABBE: ≥ 50 - Dài công suất trung bình: 10D-34D - Cung cấp kèm dụng cụ đặt nhân vết mổ > 2.2mm. - Hydroxypropyl methylcellulose $\geq 2.0\%$ - Độ nhớt: trung bình 4000-5000 mPas - Độ PH: 6.8-7.5 - Độ thẩm thấu: 270-400 mOSm/kg - Trọng lượng phân tử: 80.000 Daltons. - Dung tích: ≥ 2ml - Sodium Hyaluronate $\geq 1.4\%$ - Độ nhớt: trung bình 30.000 mPas - Độ PH: 6.8-7.4 - Trọng lượng phân tử: 1.1-2.0 triệu Daltons. - Độ thẩm thấu: 270-400mOSm/kg Dung tích: ≥ 1ml	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	50
71	Thủy tinh thể nhân tạo mềm phi cầu	- Lọc ánh sáng xanh, lọc tia cực tím. - Thiết kế phi cầu. Bờ vuông 360°. - Đường kính TTT: ≤ 12 mm. Đường kính optic: ≤ 6mm. - Chỉ số khúc xạ: > 1.42 - Chỉ số ABBE: ≥ 50 - Dài công suất trung bình: 10D-34D - Cung cấp kèm dụng cụ đặt nhân vết mổ > 2.2mm. - Hydroxypropyl methylcellulose $\geq 2.0\%$ - Độ nhớt: trung bình 4000-5000 mPas - Độ PH: 6.8-7.5 - Độ thẩm thấu: 270-400 mOSm/kg - Trọng lượng phân tử: 80.000 Daltons. - Dung tích: ≥ 2ml - Sodium Hyaluronate $\geq 1.4\%$ - Độ nhớt: trung bình 30.000 mPas - Độ PH: 6.8-7.4 - Trọng lượng phân tử: 1.1-2.0 triệu Daltons. - Độ thẩm thấu: 270-400mOSm/kg Dung tích: ≥ 1ml	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	50
72	Dịch nhầy phẫu thuật Phaco dạng loãng	- Lọc ánh sáng xanh, lọc tia cực tím. - Thiết kế phi cầu. Bờ vuông 360°. - Đường kính TTT: ≤ 12 mm. Đường kính optic: ≤ 6mm. - Chỉ số khúc xạ: > 1.42 - Chỉ số ABBE: ≥ 50 - Dài công suất trung bình: 10D-34D - Cung cấp kèm dụng cụ đặt nhân vết mổ > 2.2mm. - Hydroxypropyl methylcellulose $\geq 2.0\%$ - Độ nhớt: trung bình 4000-5000 mPas - Độ PH: 6.8-7.5 - Độ thẩm thấu: 270-400 mOSm/kg - Trọng lượng phân tử: 80.000 Daltons. - Dung tích: ≥ 2ml - Sodium Hyaluronate $\geq 1.4\%$ - Độ nhớt: trung bình 30.000 mPas - Độ PH: 6.8-7.4 - Trọng lượng phân tử: 1.1-2.0 triệu Daltons. - Độ thẩm thấu: 270-400mOSm/kg Dung tích: ≥ 1ml	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Hộp	50
73	Dịch nhầy phẫu thuật Phaco dạng đặc	- Lọc ánh sáng xanh, lọc tia cực tím. - Thiết kế phi cầu. Bờ vuông 360°. - Đường kính TTT: ≤ 12 mm. Đường kính optic: ≤ 6mm. - Chỉ số khúc xạ: > 1.42 - Chỉ số ABBE: ≥ 50 - Dài công suất trung bình: 10D-34D - Cung cấp kèm dụng cụ đặt nhân vết mổ > 2.2mm. - Hydroxypropyl methylcellulose $\geq 2.0\%$ - Độ nhớt: trung bình 4000-5000 mPas - Độ PH: 6.8-7.5 - Độ thẩm thấu: 270-400 mOSm/kg - Trọng lượng phân tử: 80.000 Daltons. - Dung tích: ≥ 2ml - Sodium Hyaluronate $\geq 1.4\%$ - Độ nhớt: trung bình 30.000 mPas - Độ PH: 6.8-7.4 - Trọng lượng phân tử: 1.1-2.0 triệu Daltons. - Độ thẩm thấu: 270-400mOSm/kg Dung tích: ≥ 1ml	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Hộp	170

74	Thuốc nhuộm bao	Thành phần: Trypan Blue 0,06-0,08%. Đóng gói vô trùng.	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Lọ	10
75	Dao mổ 15 độ	Chất liệu lưỡi thép không rỉ, chống lóa. Tay cầm nhựa. Tạo độ mở rộng góc 15°. Vô trùng	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	260
76	Dao mổ 2.8mm	Chất liệu lưỡi thép không rỉ, chống lóa. Tay cầm nhựa. Kích thước khoảng 2.65-3.2mm. . Vô trùng	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	260
77	Dao mổ mỏng (crescent)	Chất liệu lưỡi dao làm bằng thép không rỉ . Kích thước lưỡi dao ngang: 2.3 mm, cạnh mài ngang, hai mặt vát, gấp góc.	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	60
78	Kim bơm rửa lệ đạo	các cỡ	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	chiếc	10
79	Que nong lệ đạo	các cỡ	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	chiếc	5
80	Que thông lệ đạo	các cỡ	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	chiếc	5
	Phần 8: Vật tư chuyên khoa răng hàm mặt, tai mũi họng					
81	Bẫy lông máng	Chất liệu thép không gỉ		Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	20
82	Bộ kim nhổ răng trẻ em	Kìm gồm 3 phần: Cán kim, cổ kim, mỏ kim. Dùng để nhổ răng trẻ em		Bộ	Bộ	2
83	Bonding	Keo dán quang trùng hợp phục hình. Lọ 6 g.		lọ	Lọ	5
84	Camphenol (CPC)	Lọ 15ml, dung dịch trị viêm tủy nặng		lọ	Lọ	3
85	Cán gương	Chất liệu thép không gỉ		Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	50
86	Canxi hydroxid	Dùng để trám răng		Lọ 10 gam	Hộp	5
87	Chất hàn (Composite màu)	màu A2,A3, A3.5		Tuýp 4 gam	Tuýp	10
88	Chất hàn tạm	Dùng để hàn tạm, dùng trong nha khoa		Lọ 30g	Lọ	15
89	Chổi đánh bóng	Chổi đánh bóng nha khoa được dùng để làm sạch và đánh bóng răng		Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	144
90	Cốc đánh bóng răng	Chất liệu nhựa PVC		Theo qui cách nhà sản xuất	cái	100
91	Cortisol	Prednisolone acetate, Diiodothymol; Kẽm oxit; Bari sunfat. Lọ 25 gam.		Lọ 25g	Lọ	3
92	Dầu xịt tay khoan máy răng	Dầu tra tay khoan làm sạch và bôi trơn cho tất cả các loại tay khoan.		Lọ 550 ml	Lọ	2
93	Dũa ống tủy	Dũa ống tủy		Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	50
94	Etching	Etching dạng lỏng, axit phosphoric. Lọ 6 g.		2g/tube	tube	5
95	Eugenol	Lọ 30 ml		Lọ 30 ml	Lọ	5
96	Gấp (Răng)	Chất liệu thép không gỉ		Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	10
97	Gấp dị vật tai	Thép không gỉ		Cái	Cái	5
98	Gel cầm máu	Hộp 10 gói.		Hộp 10 gói.	hộp	10
99	Glyde	Kết hợp EDTA và ure peroxide dưới dạng gel. Hộp 2 Tuýp 3ml.		Theo qui cách nhà sản xuất	tuýp	6
100	Gutta paschar	Đầu cone tròn trơn tru Đảm bảo độ kín khít trong ống tủy		Hộp 120 cái	Hộp	30

101	Kìm nâng xương chỉnh mũi	Thép không gỉ		Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	2
102	Lên ống tủy	Dùng để lên ống tủy, Các số				
103	Lentulo	Loại thép không gỉ		Hộp	Hộp	2
104	Mũi khoan mỡ xương tay chậm	Tinh mềm dẻo và độ chống gãy cao		Hộp 4 cây	Hộp	10
105	Mũi khoan mỡ xương tay nhanh	mũi trụ dài, dùng cho tay chậm thẳng		cái	Cái	20
106	Mũi khoan răng	mũi trụ dài, dùng cho tay khoan nhanh		cái	Cái	50
107	Nep mặt thẳng 10 lỗ	làm từ thép không gỉ, dùng trong nha khoa, các cỡ		cái	Cái	200
108	Nep mặt thẳng 20 lỗ	dây 1mm, rộng 4.5mm, dài 58mm	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	cái	cái	5
109	Nep mặt thẳng 4 lỗ	độ dày 1mm, rộng 4.5mm, dài 116mm	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	cái	cái	2
110	Nep mặt thẳng 6 lỗ	4 lỗ độ dày 1mm, rộng 4.5mm, dài 22mm	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	cái	cái	30
111	Nep mặt thẳng 8 lỗ	6 lỗ độ dày 1mm, rộng 4.5mm, dài 34mm	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	cái	cái	10
112	Nong ống tủy	8 lỗ độ dày 1mm, rộng 4.5mm, dài 46mm	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	cái	cái	5
113	Nụ đánh bóng	Dùng cụ nội nha giúp tạo hình và vệ sinh ống tủy.		cái	Cái	100
114	Ống hút răng	Nụ đánh bóng		Hộp 200 cái	cái	30
115	Thám trám	làm ống nhựa dẻo, dùng để hút nước		Túi 100 cái	Túi	10
116	Thuốc diệt tủy(không asen)	Chất liệu thép không gỉ		Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	25
117	Trám gai	Thành phần: Ephedrin; Lidocain; Camphor; Parachlorophenol		Lọ 5g	Lọ	3
118	Vật liệu trám hàn răng	Các màu trắng, xanh.		Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	60
119	Vít hàm mặt fi 2.0mm	Hộp 2 lọ: 1lọ bột 30g + 1lọ dung dịch 25g		hộp 15 g	Hộp	5
120	Xi măng hàn răng	1,5mm dài 6-20mm. đk mũ vít 2.5mm. Chất liệu titanium hoặc tương đương	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	cái	cái	220
	Phần 9: Vật tư sử dụng hỗ trợ sinh sản	Dùng để trám răng, 1 lọ bột 45g, 1 lọ dung dịch 30g		Lọ 45g	Hộp	10
121	Pipet nhựa hút mẫu	- Chất liệu: Polystyrene. Được đóng gói tiết trùng, đầu có nút bông, tiết trùng. - Dung tích 1ml	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	cái	1.200
122	Ống nghiệm tiết trùng 5ml	- Chất liệu: Polystyrene - Đáy tròn, có nắp 2 nắp - Lực ly tâm: 1400 RCF - Kích thước: + Đường kính ngoài: 12mm. + Chiều dài: 75mm + Dung tích ống: 5ml.	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	500



123	Ống ly tâm tiết trùng 15ml	- Chất liệu: Polystyrene - Lực ly tâm: 1800 RCF - Kích thước: + Đường kính ngoài: 17mm. + Chiều dài: 120mm + Dung tích ống: 15ml.	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	500
124	Bơm tiêm tiết trùng 3 nấc 1ml	- Chất liệu: Polystyrene. - Là loại bơm 3 nấc - Dung tích: 1ml.	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	200
125	Lọ đựng lấy mẫu tinh trùng 125ml, tiết trùng	Dùng để lấy mẫu tinh trùng. Dung tích tối đa 150ml. Lọ được làm bằng polypropylene. Vô trùng	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	cái	350
	Phần 10 : Vật tư, hóa chất sử dụng cho xét nghiệm					
126	Que cấy định lượng 1 microlit	Que cấy định lượng 1 microlit	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	cái	300
127	Bộ nhuộm P.A.P	Gồm 3 lọ 500ml, Hematoxylin, EA50, OG6	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Bộ 3 lọ	Bộ	2
128	Bộ nhuộm P.A.S	Bộ 3 lọ 30ml, 1 lọ đựng dung dịch Periodic acid, 1 Lọ đựng thuốc thử Schiff, 1 Lọ đựng dung dịch Hematoxylin	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Bộ 3 lọ	Bộ	1
129	Cassette	Được làm bằng nhựa acetal . Khả năng chịu đựng dung môi cao, phù hợp cho mô bệnh học. Kích thước ngoài : 41x28x6 mm	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	4.000
130	Cồn tuyệt đối	Ethanol ≥99,7%, trong suốt không màu	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	chai 500ml	Chai	300
131	Cồn 90 độ	chai 500ml. Đạt tiêu chuẩn ĐCVN	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Chai 500ml	chai	50
132	Dao cắt tiêu bản	Bằng thép không gỉ. Dùng trong cắt mô bệnh phẩm đã đục nền. Kích thước 80x8x0,25cm góc cắt 35 độ	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	50 cái/ hộp	Hộp	2
133	Đầu côn xanh	Phù hợp với các loại Micropipet thông thường. Túi 500 cái	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Túi 500 chiếc	TÚI	10
134	Dung dịch nhuộm mô bệnh học (Harris hematoxylin for histology)	Dùng nhuộm mô bệnh học, Dung dịch không chứa hydrate chloral. Bao gồm: ≥ 25% - < 30% ethanediol; ≥ 3% - < 5% ethanol; ≥ 1% - < 3% acetic acid; ≥ 1% - < 3% aluminum sulphate hexadecahydrate; ≥ 0.1% - < 0.25% methanol.	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	chai 500ml	Chai	2
135	Eosin Y 0,5% alcoholic –	Dùng trong mô bệnh học Dung dịch hỗn hợp Eosin G or Y, alcoholic 0.5% trên nền cytoplasmic. Gồm Eosin G or Y, ≥ 70% - < 80% ethanol; ethyl alcohol và ≥ 0.5% - < 1% acetic acid.	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	chai 500ml	Chai	4
136	Formol trung tính 10%	Dung dịch cố định mô có đệm trung tính, dùng cho xử lý mô nhuộm hóa mô miễn dịch, can 5 lít	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Lít	200
137	Lam kính mài	kích thước khoảng 25.4x76.2mm, dày 1.2mm		Hộp 72 lá	Hộp	12.000
138	Lamen cỡ 22x40mm	Lamen các cỡ 22x40mm		Hộp 100 cái	Hộp	200
139	Lamen 22x22mm	Lamen các cỡ 22x22mm		Hộp 100 cái	Hộp	800
140	Nén hạt	Parafin để xử lý mô và nhúng cho các mẫu mô học. Nhiệt độ nóng chảy 52 -58 độ C		Theo qui cách nhà sản xuất	Kg	60

141	Ống chống đông Citrat 3,2%	Thân ống làm bằng nhựa PP, nắp ống chặt, để đảm bảo quay ly tâm ống không bị nứt vỡ. Trong tube chứa Natri citrate để kháng đông 2-4ml máu.	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Ống	40.000
142	Ống chống đông EDTA	Ống nghiệm nhựa PP. Kích thước khoảng 13x75mm. Ống nghiệm đã được hút chân không với thể tích mẫu 2ml. Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetra Acid Tripotasium (EDTA K3). - Có nắp đậy ống nghiệm - Ống nghiệm được đóng trên khay nhựa	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Ống	80.000
143	Ống chống đông Heparin	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương Ống nghiệm nhựa PP. Kích thước khoảng 13x75mm. Ống nghiệm đã được hút chân không với thể tích mẫu 2ml. chống đông Lithium Heparin - Có nắp đậy ống nghiệm - Ống nghiệm được đóng trên khay nhựa	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Ống	80.000
144	Ống ly tâm Eppendorf 1.5ml	Ống ly tâm loại: 1,5 ml- Chất liệu: nhựa PP - Màu sắc: Trong suốt - Không chứa DNase, RNase, Pyrogen. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Túi 500 ống	Túi	10
145	Ống Serum	Ống nghiệm nhựa PP 5ml (12 x 75mm) trung tính. có chứa hạt Poly Styrene hình bi bên trong	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	ống	35.000
146	Ống nghiệm Ly tâm 10 ml	Ống nghiệm Ly tâm 10 ml		Theo qui cách nhà sản xuất	ống	500
147	Tăm bông vô khuẩn	- Mỗi que đựng riêng trong từng ống nhựa, được tiệt trùng bằng khí EO. Dài tối đa 18cm - Thân que được làm bằng gỗ, một đầu gắn chặt với nắp ống. 1 đầu cuốn bông	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	10.000
148	Toluen	Toluen		chai 500ml	Chai	300
	Phần 11: Vật tư sử dụng thăm dò chức năng					
149	Kim sinh thiết dạ dày dùng 1 lần	Chiều dài làm việc: 1550mm. Độ mở ngàm: 7.2 mm Kích thước kênh làm việc tối thiểu: 2.8mm.	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	cái	100
150	Clip cầm máu	góc ngoài 135 độ. Độ dài của ngàm 9mm.	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	200
151	Clip cầm máu hai chiều	Clip xoay 2 chiều 360 độ, độ mở 135 độ; - Chiều dài các cỡ từ khoảng 1950mm đến 2300mm. - Đường kính ngoài của ống tube tối đa 2.6mm. Kênh làm việc tối thiểu 2.8mm.	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	500
	Phần 12: Vật tư thông thường khác					
152	Băng chỉ thị nhiệt dùng cho máy hấp ướt	Thông số "đạt" khi chỉ thị chuyển sang màu nâu đen; Lực dính ≥ 8 N/25mm; Kích cỡ: 19mm x 50m	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	cuộn	150
153	Bộ dây thờ silicon	Chất liệu: Silicon sử dụng nhiều lần. Sử dụng tương thích với máy thờ	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	bộ	10
154	Chỉ thị hóa học 3 thông số	Theo dõi các thông số của quá trình tiệt trùng bằng hơi nước như: thời gian, nhiệt độ, mức độ thẩm thấu hơi; Thông số "đạt" khi chỉ thị chuyển sang màu đen	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	40.000
155	Chỉ thị sinh học cho tiệt trùng hơi nước	Kiểm soát khối, đọc kết quả trong vòng 20 phút	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Hộp	4

156	Gói thử chức năng của máy hấp ướt	Xác định chức năng của máy hấp ướt. Kiểm tra, đánh giá độ rò rỉ không khí, tính xuyên thấu của hơi nước, sự ngưng tụ tạo thành bóng khí	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Gói	750
157	Đèn lưới gỗ	Que: làm từ gỗ. Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm. vô trùng	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	50.000
158	Điện cực tim dán	Miếng dán: dính chặt ổn định. Nút điện cực truyền tín hiệu tốt	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	cái	24.000
159	File lọc khuẩn	Sử dụng trong gây mê, thở máy. Phin lọc làm ẩm, tạo độ ẩm và lọc khí thở cho bệnh nhân. Hiệu quả lọc vi khuẩn, lọc vi rút 99,9%	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	cái	500
160	Filter giấy lọc khuẩn đường kính 19mm	Filter giấy lọc khuẩn đường kính 19mm		Theo qui cách nhà sản xuất	tờ	1.000
161	Gel bôi trơn	Được sử dụng bôi trơn trong kỹ thuật nội soi, thăm khám ... Tuýp ≥82 gam.	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	tuýp	800
162	Giấy in máy theo dõi sản khoa	Kích thước khoảng 15cm x 10 cm x 15m	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	tệp	100
163	Kẹp rốn	Túi 1 cái. vô trùng	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	2.000
164	Mask thở oxy có túi các cỡ	Chất liệu PVC. Các cỡ	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	cái	100
165	Mỡ siêu âm	Gel dùng trong siêu âm chẩn đoán y khoa. Can ≥5kg	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Can 5 lit	can	112
166	Nén Parafin	Chất rắn dạng sáp màu trắng. Dùng cho nôi Parafin		Theo qui cách nhà sản xuất	Kg	50
167	Parafin	Ống 5ml. Vô trùng		Ống 5ml.	Ống	2.000
168	Than hoạt	Dạng bột mịn		Theo qui cách nhà sản xuất	Kg	5
169	Test Hp dạ dày (Tim Urease)	Ống nhựa chứa 1,5ml có nắp nhân kín chứa 0,3ml môi trường thạch dùng để kiểm tra nhanh sự hiện diện của Helicobacter pylori trong mẫu bệnh phẩm hoặc trên môi trường nuôi cấy. Thành phần: Urea, Phenol red, Agar, pH 6.8 ± 0.2 ở 25°C Đóng gói: hộp 50 ống Khẩu trang 3 lớp không vô trùng: - 2 lớp gác PP - 1 lớp giấy kháng khuẩn	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Hộp 50 ống	hộp	100
170	Khẩu trang y tế	Khẩu trang 3 lớp không vô trùng: - 2 lớp gác PP - 1 lớp giấy kháng khuẩn	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	120.000
Phần 13: Y dụng cụ						
171	Bộ Ampu bóp bóng	Chất liệu nhựa PVC. Đảm bảo bền, độ đàn hồi cao Van đóng mở tốt Mask không có cạnh sắc Bơm hơi có van an toàn	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	cái	40
172	Ăng cơ các cỡ	Chất liệu thép không gỉ, các cỡ	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Cái	20
173	Bộ chích chấp lọ	3 chi tiết gồm: 1 kẹp chấp trung, 1 kẹp chấp nhỏ, 1 curet	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	Bộ	5
174	Bộ đặt nội khí quản	Bộ 3 lưỡi	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Bộ	Bộ	30
175	Bộ bong từ cung các số	Một bộ gồm nhiều số	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	bộ	Bộ	5

176	Cán dao mổ	Chất liệu thép không gỉ, các cỡ	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	Cái	40
177	Cán đo sức khỏe có thước đo chiều cao	Cán trọng lượng cơ thể và đo chiều cao. 1. Trọng lượng cơ thể: 0.5kg -120kg 2. Đo chiều cao: 70-190cm 4. Kích thước : 950 × 300 × 290mm		Cái	Cái	2
178	Cốc đựng betadin	Cốc đựng betadin	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	cái	20
179	Đồng hồ oxy(Lưu lượng kế kèm bình làm ẩm)	Bao gồm đồng hồ và bình làm ẩm	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	cái	35
180	Hộp đựng bóng (Hộp gòn nhỏ)	Hộp đựng bóng cồn đường kính tối thiểu 8cm	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	hộp	30
181	Hộp đựng dụng cụ thay băng	Hộp inox đựng dụng cụ kích thước tối thiểu: 19*8*4cm	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	hộp	38
182	Hộp hấp bóng xăng	Inox 304 đường kính ≥40cm	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	cái	15
183	Kéo cắt chỉ	Thép không gỉ, các cỡ	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	Cái	2
184	Kéo cong phẫu thuật	Thép không gỉ, các cỡ	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	cái	13
185	Kéo cong phẫu tích	Thép không gỉ, các cỡ	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	cái	113
186	Kéo phẫu tích	Thép không gỉ, các cỡ	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	Cái	2
187	Kéo thẳng	Thép không gỉ, các cỡ	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	cái	37
188	Kẹp hình tim các cỡ	Thép không gỉ, các cỡ	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	Cái	10
189	Kẹp mang kim(kìm mang kim)	Thép không gỉ, các cỡ	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	cái	40
190	Kẹp răng chuột	Chất liệu thép không gỉ, các cỡ	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	Cái	12
191	Khay inox	30*20cm*5cm	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	cái	20
192	Khay quả đậu 10*20cm	Chất liệu thép không gỉ	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	Cái	25
193	Khay tiêm 20*30 cm	Inox, ≥20*30 cm	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	Cái	5
194	Khay tiêm loại 30*40cm	Inox, ≥30*40 cm	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	cái	16
195	Kim bê bột	Chất liệu thép không gỉ, dài 26 cm	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	cái	2
196	Máy điện châm	Có 6 kênh, kích thích 12 huyệt cùng một lúc. Có 5 dạng xung Điện năng cung cấp : Đầu vào:220V/50Hz	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	Cái	30

197	Móc vòng cổ tử cung	Chất liệu thép không gỉ, các cỡ	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	Cái	10
198	Nhiệt kế	Bầu thủy ngân, đo nhiệt độ tối đa 42°	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Theo qui cách nhà sản xuất	cái	200
199	Nia có mẫu	Chất liệu thép không gỉ, các cỡ	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	Cái	50
200	Nia không mẫu	Chất liệu thép không gỉ, các cỡ	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	Cái	50
201	Panh chữ S	Chất liệu thép không gỉ, các cỡ	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	Cái	10
202	Panh cong không mẫu	Chất liệu thép không gỉ, các cỡ	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	Cái	50
203	Panh thẳng có mẫu	Chất liệu thép không gỉ, các cỡ	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	Cái	47
204	Panh thẳng không mẫu	Chất liệu thép không gỉ, các cỡ	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	Cái	52
205	Thìa nạo từ cung các cỡ	Chất liệu thép không gỉ, các cỡ	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	Cái	30
206	Van âm đạo	Chất liệu thép không gỉ các cỡ	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	Cái	20
207	Xe đẩy bệnh nhân	Xe có gắn 2 vòng lăn hai bên Có hai tay đẩy phía sau Độ rộng ghế ngồi: khoảng 46cm Khung xe làm bằng sắt mạ crom hoặc sơn tĩnh điện. Tấm đặt chân bằng nhôm đúc hợp kim hoặc bằng nhựa Tải trọng tối đa: 120 kg		Cái	Cái	20
208	Máy đo huyết áp	gồm đồng hồ, bao quấn bắp tay.	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	cái	50
209	Dây garo	Chất liệu thun cotton co giãn, có khóa cài.	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	Cái	200
210	Bình khí Oxy 10 lít	Độ tinh khiết $\geq 99,6\%$, Chứa trong bình 10 lít, áp suất ≥ 130 atm, đôi vỏ.		10 lít	Bình	500
211	Bình CO2	Chứa trong bình chứa chuyên dụng, đôi vỏ. Độ tinh khiết CO2 $\geq 99,9\%$, đôi vỏ		10 lít	Bình	300
212	Dụng cụ hoạt hóa huyết tương giàu tiểu cầu - PRP	Gồm: 1. Dụng cụ hoạt hóa huyết tương giàu tiểu cầu - PRP ACTIVATOR (MA-1) 2. Bộ vật tư tiêu hao hỗ trợ thu nhận huyết tương bao gồm: - 01 kim lấy máu cánh bướm vô trùng, gắn với giá đỡ kim - 01 miếng alcohol pad - 01 băng cá nhân - 04 kim tiêm 05ml/ 10ml - 03 ống lấy máu chân không có sẵn chất chống đông máu, vô trùng - 02 ống lấy máu có gel, vô trùng - 01 màng lọc vô trùng - 01 đĩa vô trùng	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	Cái	100
213	Phần 14: Vật tư chấn thương Bộ bơm xi măng tạo hình thân đốt sống có bóng loại I		Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Bộ	Bộ	25
213.1	Bóng nong thân đốt sống	Bóng nong thể tích tối thiểu các cỡ 3,4,6 ml. Áp suất của bóng nong ≥ 400 psi.			Cái	2
213.2	Kim chọc dò qua đốt sống	Kim chọc dò qua cuống $\geq 12,5$ cm			Cái	2
213.3	Kim chọc dò tạo đường hầm vào thân đốt sống	Kim chọc dò tạo đường hầm vào thân đốt sống dài ≥ 19 cm			Cái	1

313,5	Kim chọc đẩy xi măng vào thân đốt sống	Kim chọc đẩy xi măng vào thân đốt sống chiều dài $\geq 19,5\text{cm}$, dung tích chứa được $\geq 1,5\text{ml}$				Cái	6
213,6	Kim chọc sinh thiết xương	Kim chọc sinh thiết xương dài $\geq 19\text{cm}$, đường kính $\geq 15\text{G}$				Cái	1
213,7	Bơm áp lực đẩy xi măng	01 bộ bơm áp lực đẩy xi măng loại có tay quay + 4 xi lanh loại 5ml, kèm 2 bộ bơm áp lực cho bóng nong				Cái	1
213,8	Xi măng	Gồm Xi măng 20g bột và tối thiểu khoảng 10g dung dịch pha.				Gói	1
214	Bộ bơm xi măng cột sống sử dụng bơm áp lực cao dạng súng		Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Bộ		Bộ	20
214,1	Bơm áp lực cao	Bơm áp lực dạng súng dung tích $\geq 15\text{ml}$, Bộ trộn xi măng dạng kín, dung tích $\geq 40\text{ml}$				Cái	1
214,2	Kim chọc dò	kim chọc dò chữ T, chiều dài $\geq 10\text{cm}$, đường kính $\geq 11\text{G}$, trên kim có vạch đo độ sâu, đầu kim vát				Cái	2
214,3	Xi măng sinh học	Khối lượng 20g bột, có độ nhớt thấp kèm tối thiểu 10ml dung dịch pha.				Gói	1
215	Bộ dụng cụ đồ xi măng cột sống có bóng loại 2		Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Bộ		Bộ	25
215,1	Mũi khoan xương	mũi khoan xương có kích thước chiều dài khoảng 212mm, đường kính $\geq 3,0\text{mm}$		1 cái/ hộp		Cái	1
215,2	Bộ que đẩy xi măng vào thân đốt sống	que đẩy xi măng vào thân đốt sống có kích thước chiều dài khoảng 195mm, mỗi que đẩy gồm ống trocar và kim nòng tháo rời		1 bộ/ hộp		Bộ	2
215,3	Kim chọc dò đầu vát cỡ 10G	Ống trocar đường kính khoảng 3,5mm và 2 kim vát, tù. Chiều dài kim là $\geq 120\text{mm}$		1 cái/ hộp		Cái	2
215,4	Bóng nong thân đốt sống	Đầu bóng nong chất liệu Silicon, chiều dài khoảng từ 15mm đến 20mm có áp suất làm việc tối đa 400 psi.		1 cái/ hộp		Cái	2
215,5	Bộ trộn xi măng kiểu kín kèm Syring bơm	Bộ trộn xi măng kín, cánh khuấy có thể chuẩn bị tới 40g xi măng.		1 bộ/ hộp		Bộ	1
215,6	Xi măng sinh học có cân quang	- Thành phần xi măng bột gồm PMMA, chất cân quang Dioxide Kẽm và Dibenzoyl peroxide hoặc tương đương, dung dịch pha 10ml		1 gói/ hộp		Gói	1
216	Bộ dụng cụ đồ xi măng cột sống không bóng loại 2		Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Bộ		Bộ	20
216,1	Bộ trộn xi măng kiểu kín kèm Syring bơm	Bộ trộn xi măng kín, cánh khuấy có thể chuẩn bị tới 40g xi măng.		1 bộ/ hộp		Bộ	1
216,2	Súng bơm xi măng áp lực cao	Bơm xi măng dạng súng, dung tích $\geq 15\text{ml}$		1 cái/ hộp		Cái	1
216,3	Kim chọc dò thân đốt sống các cỡ	chữ T, mũi vát, bằng thép không gỉ, chiều dài kim $\geq 150\text{mm}$		1 cái/ hộp		Cái	2
216,4	Xi măng sinh học có cân quang	Xi măng bột gồm PMMA, chất cân quang Dioxide Kẽm và Dibenzoyl peroxide hoặc tương đương, dung dịch pha 10ml		1 gói/ hộp		Gói	1
217	Khớp vai bán phần có xi măng		Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Bộ		Bộ	3
217,1	1. Chuôi khớp :	- Vật liệu : (Ti6Al4V) với L 80 mm					
217,2	2. Cổ chuôi	- Đuôi các loại với đường kính ≤ 12 đến $\geq 20\text{ mm}$, chiều dài khoảng 80mm .					
217,3	3. Đầu nối	- Vật liệu : hợp kim Ti6Al4V đường kính cổ chuôi khoảng 16mm, chiều cao từ $\leq 31\text{mm}$ đến $\geq 37\text{mm}$ Vật liệu: (Ti6Al4V) có tối thiểu 4 kích cỡ 0 : +2 : +4 : +8 mm					
217,4	4. Chỏm khớp :	"- Vật liệu : Cầu tạo bởi hợp kim CoCrMo - đường kính từ $\leq 40\text{mm}$ đến $\geq 54\text{ mm}$, x chiều cao từ $\leq 14,8\text{mm}$ đến $\geq 21\text{ mm}$.					
217,5	5. Xi măng	Xi măng kháng sinh gồm bột 40g và tối thiểu 16g dung dịch pha					

218	Khớp vai bán phần không xi măng		Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Bộ	Bộ	3
218,1	Chuôi	"1. Chuôi cánh tay không xi măng : - Vật liệu : (Ti6Al4V) với chiều dài khoảng từ 60- 80 mm - Đường kính từ ≤11 đến ≥ 24mm. Vật liệu : hợp kim Ti6Al4V				
218,2	2. Cổ chuôi :	đường kính khoảng 16 mm, chiều cao ≤31mm đến ≥37mm				
218,3	3. Đầu nối :	Vật liệu: (Ti6Al4V) có tối thiểu 4 kích cỡ 0 : +2 ; +4 ; +8 "4. Chòm khớp : - Vật liệu : Cấu tạo bởi hợp kim CoCrMo - Có 8 kích cỡ với đường kính ≤40 đến ≥ 54 mm, chiều cao khoảng 14.8mm đến 21mm.				
218,4	4. Chòm khớp :					
219	Khớp vai toàn phần không xi măng		Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Bộ	Bộ	3
219,1	1. Chuôi khớp :	"- Vật liệu : (Ti6Al4V) với chiều dài khoảng từ 60- 80 mm - Đủ các loại với đường kính ≤11mm đến ≥ 24 mm				
219,2	2. Cổ Chuôi :	- Vật liệu : hợp kim Ti6Al4V hoặc tương đương				
219,3	3. Lóp đệm	- Vật liệu UMHWPE hoặc tương đương , độ dày tối thiểu các cỡ 0 mm ; +3mm; +6mm				
219,4	4. Ổ chảo :	- Cấu tạo hợp kim Ti6Al4V + PoroTi + HA hoặc tương đương - Có tối thiểu 4 kích cỡ				
219,5	5. Chòm khớp	- Chất liệu CoCrMo , đường kính khoảng 36mm - Có tối thiểu 2 loại : đồng tâm và lệch tâm				
219,6	6. Vít	-Chất liệu Titan (Ti6Al4V) hoặc tương đương Đường kính khoảng 6,5mm, dài ≤20 đến ≥ 40mm				
220	Khớp vai toàn phần có xi măng		Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Bộ	Bộ	3
220,1	1. Chuôi khớp :	- Vật liệu : (Ti6Al4V) với chiều dài khoảng 80 mm đường kính ≤12 đến ≥20 mm				
220,2	2. Cổ Chuôi :	- Vật liệu : hợp kim Ti6Al4V hoặc tương đương				
220,3	3. Lóp đệm	- Vật liệu UMHWPE hoặc tương đương độ dày tối thiểu gồm các cỡ 0 mm ; +3mm; +6mm				
220,4	4. Ổ chảo :	- Cấu tạo hợp kim Ti6Al4V + PoroTi + HA hoặc tương đương - Có tối thiểu 4 kích cỡ				
220,5	5. Chòm ngược :	Chất liệu CoCrMo hoặc tương đương , đường kính khoảng 36 mm. Có tối thiểu 2 loại : đồng tâm và lệch tâm				
220,6	6. Vít xương	-chất liệu Titan (Ti6Al4V) hoặc tương đương, Đường kính khoảng 6,5mm dài khoảng 20 đến 40mm.				
220,7	7. Xi măng	Xi măng kháng sinh gồm bột 40g và tối thiểu 16g dung dịch pha				
	Tổng khớp: 220 khớp					

PHỤ LỤC II: DANH MỤC HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM

(Kèm công văn số: 894 /CV-BVĐKĐA ngày 04 tháng 7 năm 2023 của bệnh viện đa khoa Đồng Anh)

STT	Danh mục	Tính năng, thông số kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
I	Hóa chất, vật tư dùng cho máy sinh hóa 1				
1	Hóa chất định lượng Protein total	Hóa chất định lượng Protein total. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương	4x100ml + 3ml	Hộp	6
2	Hóa chất định lượng Albumin	Hóa chất định lượng Albumin. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương	4x100ml + 3ml	Hộp	6
3	Hóa chất định lượng Uric Acid	Hóa chất định lượng Uric Acid. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương	4x100ml + 1x80ml + 3ml	Hộp	12
4	Hóa chất định lượng Amylase	Hóa chất định lượng Amylase. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương	2x50ml + 1x20ml	Hộp	12
5	Hóa chất định lượng GPT	Hóa chất định lượng GPT. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương	4x100ml + 1x80ml	Hộp	40
6	Hóa chất định lượng GOT(AST)	Hóa chất định lượng GOT(AST). Đạt ISO 13485 hoặc tương đương	4x100ml + 1x80ml	Hộp	43
7	Hóa chất định lượng GGT	Hóa chất định lượng GGT. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương	2x50ml + 1x20ml	Hộp	12
8	Hóa chất định lượng Bilirubin toàn phần	Hóa chất định lượng Bilirubin toàn phần. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương	4x40ml + 4x10ml	Hộp	12
9	Hóa chất định lượng Bilirubin trực tiếp	Hóa chất định lượng Bilirubin trực tiếp. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương	4x40ml + 4x10ml	Hộp	12
10	Hóa chất định lượng Cholesterol	Hóa chất định lượng Cholesterol. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương	4x100ml + 1x3ml	Hộp	36
11	Hóa chất định lượng Triglycerides	Hóa chất định lượng Triglycerides. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương	4x100ml + 3ml	Hộp	34
12	Hóa chất định lượng Urea	Hóa chất định lượng Urea. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương	4x100ml + 1x80ml + 3ml	Hộp	20
13	Hóa chất định lượng Creatinine	Hóa chất định lượng Creatinine. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương	6x67ml + 6x17ml	Hộp	33
14	Hóa chất định lượng Glucose	Hóa chất định lượng Glucose. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương	4x100ml + 3ml	Hộp	42
15	Hóa chất định lượng Iron	Hóa chất định lượng Iron. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương	2x50ml + 1x20ml + 1x2,5g + 3ml	Hộp	5
16	Hóa chất định lượng CK-NAC	Hóa chất định lượng CK-NAC. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương	2x50ml + 1x20ml	Hộp	12
17	Hóa chất định lượng CK-MB	Hóa chất định lượng CK-MB. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương	2x50ml + 1x20ml	Hộp	12
18	Huyết thanh kiểm tra CKMB mức bình thường	Huyết thanh kiểm tra CKMB mức bình thường. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương	1x2ml	Lọ	6
19	Huyết thanh kiểm tra CKMB mức cao	Huyết thanh kiểm tra CKMB mức cao. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương	1x2ml	Lọ	6
20	Chất chuẩn CKMB	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm CK- MB, dạng đông khô. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương	1x2ml	Lọ	3
21	Hóa chất định lượng CRP	Hóa chất định lượng CRP. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương	2x25ml + 1x10ml	Hộp	60
22	Bộ hiệu chuẩn CRP	Bộ hiệu chuẩn CRP. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương	5x1ml	Hộp	12
23	Huyết thanh kiểm tra CRP mức thấp	Huyết thanh kiểm tra CRP mức thấp. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương	1ml/ lọ	Lọ	24
24	Huyết thanh kiểm tra CRP mức cao	Huyết thanh kiểm tra CRP mức cao. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương	1ml/ lọ	Lọ	24
25	Hóa chất định lượng HDL-Cholesterol	Hóa chất định lượng HDL-Cholesterol . Đạt ISO 13485 hoặc tương đương	2x45ml + 1x30ml	Hộp	18
26	Chất hiệu chuẩn	Chất hiệu chuẩn, dạng đông khô. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương	Lọ ≥ 1x3ml	Lọ	12
27	Hóa chất định lượng LDL- Cholesterol	Hóa chất định lượng LDL- Cholesterol . Đạt ISO 13485 hoặc tương đương	2x45ml + 1x30ml	Hộp	12
28	Huyết thanh kiểm tra mức bình thường	Huyết thanh kiểm tra mức bình thường, dạng đông khô. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương	Lọ ≥ 1x5ml	LỌ	24
29	Huyết thanh kiểm tra mức cao	Huyết thanh kiểm tra mức cao, dạng đông khô. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương	Lọ ≥ 1x5ml	LỌ	24
30	Dây bơm máy sinh hóa	Dây bơm dùng cho máy sinh hóa. Đạt ISO 9001 hoặc tương đương	1 cái/ túi	Cái	8
31	Cuvette	Cuvette dùng cho máy sinh hóa. Đạt ISO 9001 hoặc tương đương	16 chiếc/ bộ	Bộ	16
32	Bóng đèn Halogen	Bóng đèn Halogen dùng cho máy sinh hóa. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương	hộp 1 cái	Cái	4
33	Huyết thanh kiểm tra mức 2	Huyết thanh kiểm tra mức 2, dạng bột đông khô. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương	1x5ml	lọ	100
34	Huyết thanh kiểm tra mức 3	Huyết thanh kiểm tra mức 3, dạng bột đông khô. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương	1x5ml	lọ	100

35	Huyết thanh hiệu chuẩn mức 3	Huyết thanh hiệu chuẩn mức 3. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương	1x5ml	Lọ	30
36	Điện cực Na	Điện cực Na dùng cho máy sinh hóa. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương	1 Cái	Cái	2
37	Điện cực K	Điện cực K dùng cho máy sinh hóa. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương	1 Cái	Cái	2
38	Điện cực Cl	Điện cực Cl dùng cho máy sinh hóa. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương	1 Cái	Cái	1
39	Dung dịch rửa kim mức 1	Thành phần: Sodium Hypoclorite < 3.0% Surfactants < 0.1% hoặc tương đương. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương	1x250ml	Hộp	5
40	Dung dịch rửa kim mức 2	Thành phần Surfactants < 0.5% Stabilizers < 0.2% Preservatives < 0.2% hoặc tương đương. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương	1x250ml	Hộp	5
41	Dung dịch rửa Cuvet	Thành phần: Surfactants < 2.5% Stabilizers < 0.3% Preservatives < 0.3% hoặc tương đương. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương	2x250ml	Hộp	40
42	Hóa chất chuẩn đoán lượng Na/K/Cl/Li	Hóa chất chuẩn đoán lượng Na/K/Cl/Li. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương	710ml/ 1 hộp	Hộp	30
43	Hóa chất định lượng Alcohol	Hóa chất định lượng Alcohol. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	2x30ml, 2x5ml	Hộp	4
44	Chất hiệu chuẩn Alcohol	Chất hiệu chuẩn Alcohol. Quy cách : Control Level 1: 1x2ml Control Level 2: 1x2ml Calibrator: 1x2ml hoặc tương đương. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	3x2ml	Hộp	2
45	Hóa chất định lượng MICROALBUMIN	Huyết thanh kiểm tra Microalbumin mức thấp. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	5 x 25 ml + 1 x 10 ml	Hộp	6
46	Huyết thanh kiểm tra Microalbumin mức thấp	Huyết thanh kiểm tra Microalbumin mức thấp. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	1 x 1 ml	Lọ	6
47	Huyết thanh kiểm tra Microalbumin mức cao	Huyết thanh kiểm tra Microalbumin mức cao. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	1 x 1 ml	Lọ	6
48	Chất hiệu chuẩn chuẩn Microalbumin	Chất hiệu chuẩn chuẩn Microalbumin. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	5 x 1 ml	hộp	3
49	Hóa chất định lượng Protein niệu	Hóa chất định lượng Protein niệu. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	2x50ml + 3ml	Hộp	6
50	Chất kiểm tra cho xét nghiệm định lượng Protein	Chất kiểm tra cho xét nghiệm định lượng Protein. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	2 x 4 ml	Hộp	6
51	Dung dịch Sodium Nitrite	Dung dịch Sodium Nitrite. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	1x50ml	Hộp	6
52	Hóa chất chuẩn HDL/LDL	Hóa chất chuẩn HDL/LDL. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương	1x1ml	Lọ	10
53	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Protein	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Protein. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	1 x 4 ml	Lọ	3
II	Mua sắm hóa chất dùng cho máy HBAIC				
54	Bộ hóa chất chạy xét nghiệm HbA1c	Bộ hóa chất chạy xét nghiệm HbA1c theo phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	500 tests/bộ	Bộ	30
55	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HbA1c	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HbA1c. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	2x500µl	Hộp	8
56	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HbA1c	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HbA1c. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	2x500µl	Hộp	6
	Mua sắm hóa chất dùng cho máy phân tích nước tiểu				



57	Test thử nước tiểu 11 thông số	Test thử nước tiểu tối thiểu 11 thông số, công nghệ kháng acid ascorbic hoặc tương đương. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương	100 test/ hộp	hộp	250
58	Hóa chất nội kiểm tra que thử nước tiểu mức 1	Hóa chất nội kiểm tra que thử nước tiểu mức 1. Hộp $\geq 12 \times 12$ ml Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	12x12 ml	hộp	2
59	Hóa chất nội kiểm tra que thử nước tiểu mức 2	Hóa chất nội kiểm tra que thử nước tiểu mức 2. Hộp $\geq 12 \times 12$ ml Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	12x12 ml	hộp	2
60	Hóa chất dùng cho máy huyết học số 1	Dung dịch pha loãng. Dùng để đếm và đo kích cỡ các tế bào máu. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	20 lit/thùng	Thùng	40
61	Dung dịch tách bạch cầu cho máy xét nghiệm huyết học tự động 3 thành phần bạch cầu	Dung dịch tách bạch cầu. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	500 ml/chai	Chai	25
62	Dung dịch rửa cho máy xét nghiệm huyết học tự động 3 thành phần bạch cầu	Dung dịch hóa chất rửa dùng cho các máy xét nghiệm huyết học. Thành phần: Proteolytic Enzyme: 3.0-10g/L Surfactant: 0.3-1.5g/L Sodium Chloride: 3.0-5.0g/L Anti-fungal và Anti-bacterial Agents: 0.5-2.5g/L Buffering Agents: 1.0-4.0g/L, hoặc các chất tương đương. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	100ml/lọ	lọ	12
63	Dung dịch rửa kim cho máy xét nghiệm huyết học tự động 3 thành phần bạch cầu	Dung dịch hóa chất rửa dùng cho máy huyết học. Thành phần: Surfactant: <2.0g/L Sodium hypochlorous: <100g/L Sodium hydroxide: <100g/L, hoặc các chất tương đương. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	50ml/lọ	lọ	9
64	Dung dịch rửa cho máy xét nghiệm huyết học tự động 3 thành phần bạch cầu	Dung dịch dùng cho các máy xét nghiệm huyết học. Thành phần: Sodium Sulfate Anhydrous: 3.0-5.5g/L Sodium Chloride: 7.5-11.5g/L Anti-fungal và Anti-bacterial Agents: 1.0-3.0g/L Polyoxyethylene Ester: 0.3-1.5g/L, hoặc các chất tương đương. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	20l/thùng	thùng	8
65	Bộ 3 mức hóa chất kiểm chuẩn cho máy xét nghiệm huyết học tự động 3 thành phần bạch cầu	Hóa chất kiểm chuẩn dùng cho máy xét nghiệm huyết học tự động 3 thành phần. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	3 lọ/bộ, 3ml/lọ	Bộ	12
66	Mua sắm hóa chất ngoại kiểm máy	Dạng đồng khô, bảo quản ở nhiệt độ (2-8°C). Tần suất phân tích hóa chất: hàng tháng. Thông số phân tích: 2 thông số. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	6x0,5 ml	Hộp	2
67	Hóa chất ngoại kiểm xét nghiệm Nước tiểu	Dạng lỏng, bảo quản ở nhiệt độ (2-8°C). Tần suất phân tích hóa chất: 02 tháng một lần. Thông số phân tích: 14 thông số. Bao gồm cả Galactose. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	3x12 ml	Hộp	2
68	Hóa chất ngoại kiểm xét nghiệm miễn dịch	Dạng đồng khô, bảo quản ở nhiệt độ (2-8°C). Tần suất phân tích hóa chất: hàng tháng. Thông số phân tích: 49 thông số + 2 thông số thử nghiệm. Bao gồm cả: C- peptide, Gentamicin, Salicylate, Vancomycin. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	6x5 ml	Hộp	2

	Hóa chất, vật tư dùng cho máy sinh hóa				
69	Hóa chất xét nghiệm định lượng Protein toàn phần	Hóa chất xét nghiệm định lượng Protein toàn phần. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	2x125ml + 1x5ml	Hộp	5
70	Hóa chất xét nghiệm định lượng Albumin	Hóa chất xét nghiệm định lượng Albumin. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	2 x 125 ml + 1x2ml	Hộp	5
71	Hóa chất xét nghiệm định lượng Acid uric	Hóa chất xét nghiệm định lượng Acid uric. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	6x50ml + 1x5ml	Hộp	7
72	Hóa chất xét nghiệm định lượng Amylase	Hóa chất xét nghiệm định lượng Amylase. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	1 x 50 ml	Hộp	6
73	Hóa chất xét nghiệm định lượng ALT	Hóa chất xét nghiệm định lượng ALT. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	4x50ml + 2x26ml	Hộp	24
74	Hóa chất xét nghiệm định lượng AST	Hóa chất xét nghiệm định lượng AST. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	4x50ml + 2x26ml	Hộp	24
75	Hóa chất xét nghiệm định lượng Gamma-GT	Hóa chất xét nghiệm định lượng Gamma-GT. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	4x50ml + 2x26ml	Hộp	6
76	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin toàn phần	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin toàn phần. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	2x100ml + 1x50ml	Hộp	6
77	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin trực tiếp	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin trực tiếp. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	1x100 mL + 1x25mL	Hộp	6
78	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol toàn phần	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol toàn phần. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	6 x 100 ml +: 1 x 5 ml	Hộp	15
79	Hóa chất xét nghiệm định lượng Triglycerides	Hóa chất xét nghiệm định lượng Triglycerides. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	6x 100ml + 1x5ml	Hộp	15
80	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	4x50ml + 2x26ml + 1x5ml	Hộp	18
81	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	2x100ml + 1x70ml	Hộp	24
82	Hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose	Hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	4 x 250 ml + 1 x 5 ml	Hộp	18
83	Hóa chất xét nghiệm định lượng Sắt	Hóa chất xét nghiệm định lượng Sắt. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	2x100ml + 1x50ml + 1x5ml	Hộp	1
84	Hóa chất xét nghiệm định lượng CK NAC	Hóa chất xét nghiệm định lượng CK NAC. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	2x50ml + 1x26ml	Hộp	6
85	Hóa chất xét nghiệm định lượng CK-MB	Hóa chất xét nghiệm định lượng CK-MB. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	2x50ml + 1x26ml	Hộp	6
86	Hóa chất xét nghiệm định lượng CRP	Hóa chất xét nghiệm định lượng CRP. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	2x25ml + 1x5ml	Hộp	12
87	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CRP	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CRP. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	5 x 1 ml	Hộp	2
88	Hóa chất kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng CRP	Hóa chất kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng CRP. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	2 x 1 ml	Hộp	12
89	Hóa chất kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng CRP	Hóa chất kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng CRP. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	2 x 1 ml	Hộp	12
90	Hóa chất xét nghiệm định lượng HDL	Hóa chất xét nghiệm định lượng HDL. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	2x90ml + 1x60ml	Hộp	8
91	Hóa chất xét nghiệm định lượng LDL	Hóa chất xét nghiệm định lượng LDL. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	4x21ml + 2x14ml	Hộp	8
92	Bóng đèn dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	Bóng đèn 12-20W dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	Cái	4
93	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	Dung dịch rửa, dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa. Thành phần: KOH, chất hoạt động bề mặt không ion, chất hoạt động bề mặt polyanionic, chất đệm và chất ổn định, hoặc các chất tương đương. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	2 L	Can	40
	Hóa chất dùng cho máy huyết học số II				

94	Dung dịch pha loãng (cho máy xét nghiệm huyết học tự động 5 thành phần bạch cầu)	Dung dịch pha loãng dùng cho máy xét nghiệm huyết học. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	20L/thùng	Thùng	117
95	Dung dịch ly giải (cho máy xét nghiệm huyết học tự động 5 thành phần bạch cầu)	Dung dịch ly giải dùng cho máy xét nghiệm huyết học. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	1L×4	Hộp	23
96	Dung dịch nhuộm tế bào (cho máy xét nghiệm huyết học tự động 5 thành phần bạch cầu)	Dung dịch nhuộm tế bào dùng cho máy xét nghiệm huyết học. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	12mL×4	Hộp	30
97	Dung dịch ly giải hồng cầu (cho máy xét nghiệm huyết học tự động 5 thành phần bạch cầu)	Dung dịch ly giải dùng cho máy xét nghiệm huyết học. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	1L×4	Hộp	8
98	Dung dịch ly giải hồng cầu non (cho máy xét nghiệm huyết học tự động 5 thành phần bạch cầu)	Dung dịch ly giải dùng cho máy xét nghiệm huyết học. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	1L×4	Hộp	29
99	Dung dịch nhuộm huỳnh quang xét nghiệm hồng cầu non (cho máy xét nghiệm huyết học tự động 5 thành phần bạch cầu)	Dung dịch nhuộm tế bào dùng cho máy xét nghiệm huyết học Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	12mL×4	Hộp	30
100	Dung dịch rửa (cho máy xét nghiệm huyết học tự động 5 thành phần bạch cầu)	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm huyết học. Thành phần : - Surfactant: ≤0.2% - Sodium hypochlorous : ≤12% - Sodium hydroxide: ≤5%, hoặc các chất tương đương. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	50ml	Lọ	37
101	Chất hiệu chuẩn (cho máy xét nghiệm huyết học tự động 5 thành phần bạch cầu)	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng các thông số huyết học. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	3ml	Lọ	1
102	Bộ 3 mức hòa chất kiểm chuẩn (cho máy xét nghiệm huyết học tự động 5 thành phần bạch cầu)	Hóa chất kiểm soát xét nghiệm định lượng các thông số huyết học. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	Bộ ≥ 6 x 4,5 ml	Bộ	6
Hóa chất Gelcard định nhóm máu					
103	Gel card 6 giếng làm xét nghiệm bảo đảm hòa hợp miễn dịch truyền máu	Gel card 6 giếng chứa sẵn gel trong dung dịch đệm thích hợp: Từ cột 1 - 3: Anti-A - Anti-B - Anti-D ; Từ cột 4 - 6: ENZ - AHG dùng để xác định lại nhóm máu bệnh nhân và nhóm máu túi máu, làm phản ứng hòa hợp truyền máu giữa bệnh nhân và túi máu trong 2 môi trường muối và Coombs ở nhiệt độ 37 độ C. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	24 card/hộp	Card	2000
104	Dung dịch lực ion yếu pha loãng hồng cầu	Dung dịch đệm lực ion thấp, với nồng độ Natri clorid thích hợp, hữu ích trong các xét nghiệm huyết thanh học. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	chai 500ml	Chai	10
105	Gel card 6 giếng xét nghiệm sàng lọc, định danh kháng thể bất thường và làm phản ứng hòa hợp	Gel card 6 giếng, mỗi giếng chứa kháng thể Anti Human IgG và kháng thể đơn dòng Anti C3d (dòng 12011D10). Dùng làm xét nghiệm Coombs trực tiếp; Coombs gián tiếp bao gồm phản ứng hòa hợp, sàng lọc và định danh kháng thể bất thường.	24 card/hộp	Card	200
106	Gel card 6 giếng xét nghiệm trong môi trường muối	Gel card 6 giếng, mỗi giếng chứa gel trong dung dịch đệm thích hợp; Dùng làm phản ứng hòa hợp, sàng lọc và định danh kháng thể bất thường, định nhóm máu theo phương pháp hồng cầu mẫu. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	24 card/ hộp	Card	200

107	Anti D	Kháng thể đơn dòng Anti D (dòng P3X61+ NaTH119) Hiệu giá $\geq 1:256$. Độ đặc hiệu: 100%. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	10ml/lọ	Lọ	40
108	Huyết thanh định nhóm máu ABO	Kháng thể đơn dòng Anti A (dòng 11H5) Hiệu giá $\geq 1:256$; Độ đặc hiệu: 100%. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	10ml/lọ	Lọ	80
109	Huyết thanh định nhóm máu ABO	Kháng thể đơn dòng Anti B (dòng 6F9) Hiệu giá $\geq 1:256$; Độ đặc hiệu: 100%. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	10ml/lọ	Lọ	80
110	Huyết thanh định nhóm máu ABO	Kháng thể đơn dòng Anti A,B (dòng 11H5 + 6F9 + ES-15) Hiệu giá $\geq 1:256$; Độ đặc hiệu: 100%. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	10ml/lọ	Lọ	80
111	Tes aslo	Xét nghiệm phiên ngưng kết latex nhanh để xác định định tính và bán định lượng antistreptolysin-O trong huyết thanh người của các bệnh liên cầu khuẩn. Hộp ≥ 100 test. Đạt ISO-13485 hoặc tương đương.	Hộp 100 tes	Hộp	10
	Mua sắm test nhanh xét nghiệm				
112	Test nhanh chẩn đoán viêm gan B	Định tính phát hiện kháng nguyên HBsAg trong huyết thanh hoặc huyết tương của người hoặc máu toàn phần. Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 100%; Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 test	Test	10.000
113	Test nhanh chẩn đoán sốt xuất huyết, phát hiện kháng nguyên Dengue NS1 Ag	Định tính phát hiện sự có mặt của kháng nguyên Dengue NS1 trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người. Độ nhạy: $\geq 92.42\%$, Độ đặc hiệu: $\geq 98.7\%$. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 test	Test	5.000
114	Test nhanh chẩn đoán sốt xuất huyết, phát hiện kháng thể Dengue IgG/IgM	Định tính phát hiện kháng thể IgG và/hoặc IgM kháng vi rút Dengue trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương của người. Độ nhạy: $\geq 96,9\%$; Độ đặc hiệu: $\geq 98,9\%$; Độ chính xác tương quan: $\geq 98,7\%$. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 test	Test	2.000
115	Test nhanh chẩn đoán chân tay miệng EV71 IgM	Định tính phát hiện kháng thể IgM kháng EV71 trong (huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần) Độ nhạy: $\geq 96.8\%$, Độ đặc hiệu: $\geq 99.4\%$. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 test	Test	1.000
116	Test nhanh chẩn đoán Rotavirus	Định tính phát hiện kháng nguyên vi rút Rota trong mẫu phân người. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 test	Test	1.500
117	Test thử Morphine	Định tính phát hiện Morphine trong nước tiểu của người. Ngưỡng phát hiện 300 ng/ml. Độ nhạy tương quan 100%, Độ đặc hiệu tương quan 100%, Độ chính xác tương quan 100%. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 test	Test	500
118	Test nhanh chuẩn đoán viêm gan C	Định tính pPhát hiện kháng thể kháng HCV trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần người. Độ nhạy: 100%, Độ đặc hiệu: 100 % . Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 test	Test	1.000
119	Test nhanh chẩn đoán HIV 1/2	Phát hiện các type kháng thể IgG, IgA,... đặc hiệu với HIV-1 và HIV-2. Độ nhạy: $\geq 99.01\%$, Độ đặc hiệu: $\geq 99.92\%$. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 test	Test	9.000
120	Test nhanh chẩn đoán viêm gan A IgG/IgM	Sử dụng phát hiện sự có mặt của kháng thể IgM kháng HAV trong huyết thanh hoặc huyết tương của người Kháng thể chuỗi kháng IgM của người Độ nhạy $\geq 95.2\%$, độ đặc hiệu: $\geq 99.1\%$ độ chính xác: $\geq 98.3\%$. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 test	Test	100
121	Test nhanh chẩn đoán virus hợp bào hô hấp RSV	Test nhanh phát hiện định tính kháng nguyên virus hợp bào hô hấp (RSV) từ dịch hút vòm mũi họng; Độ nhạy: $\geq 92.3\%$, Độ đặc hiệu: $\geq 93.3\%$. Giới hạn phát hiện: 0,41 µg/ml Virus hợp bào hô hấp. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 test	Test	1.000

122	Test thử thai HCG	Định tính phát hiện hCG trong nước tiểu của người. Độ nhạy tương quan: 100%, Độ đặc hiệu tương quan: 100%, Độ chính xác tương quan: 100%. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 test	Test	300
123	Test thử nhanh phát hiện kháng thể IgM kháng virus viêm gan E	Định tính phát hiện sự có mặt của kháng thể IgG/IgM kháng HEV trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Độ nhạy: $\geq 90\%$; Độ đặc hiệu: $\geq 98.6\%$; Độ chính xác tương quan: $\geq 97.6\%$ Đạt ISO 13485 hoặc tương đương..	Túi 1 test	Test	100
124	Test thử nhanh phát hiện kháng nguyên vi rút cúm A/B	Phát hiện virus cúm A trong dịch mũi Vùng cộng hợp: Kháng thể đơn dòng kháng P136 A (Ab1) (0,16 μg), Kháng thể đơn dòng kháng nucleoproteins cúm B (Ab1) (0,16 μg); Vạch kết quả: Kháng thể đơn dòng kháng nucleoproteins cúm A (Ab2) (0,2 μg), Kháng thể đơn dòng kháng nucleoproteins cúm B (Ab2) (0,2 μg); Vạch chứng: Kháng thể dễ kháng IgG chuột (0,88 μg). Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 test	Test	5.000
125	Test kháng nguyên SARS-Cov-2	Định tính phát hiện kháng nguyên SARS-Cov-2 trong mẫu ngoáy dịch ty hầu của người. Độ nhạy tương quan: $\geq 96,30\%$. Độ đặc hiệu tương quan: $\geq 99,75\%$. Độ chính xác tương quan: $\geq 99,02\%$. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 test	Test	2.000
126	Test HbeAg	Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Phát hiện HbeAg - Độ nhạy tương quan $\geq 96.2\%$, Độ đặc hiệu tương quan $\geq 99.4\%$. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 test	Test	200
127	Test H.pylori	Phát hiện kháng thể kháng H.pylori trong Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Độ nhạy tương quan: $\geq 94.88\%$, độ đặc hiệu tương quan: $\geq 95.38\%$. Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 test	Test	100
128	Test ma túy 4 chỉ số	Định tính ma túy có trong mẫu nước tiểu với ngưỡng phát hiện (cut-off) MET: Methamphetamine 1000ng/ml. AMP: Amphetamine 1000ng/ml THC: Marijuana 50ng/ml MOP: Morphine 300ng/ml Thời gian đọc kết quả: sau 3-5 phút. Độ nhạy: $\geq 99.9\%$ Độ đặc hiệu: $\geq 99.9\%$ Đạt ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 test	Test	200
Tổng : 128 khoản					